Report 05/06/2024

1. Kết nối với DB:
   1. Cài đặt MariaDB
   2. Vào php.ini để thêm extension :
      1. extension=mysqli
      2. extension=pdo\_mysql

|  |
| --- |
| <?php  $servername = "localhost";  $username = "root";  $password = "12345678";  $database = "TSM";  // Tạo kết nối  $conn = new mysqli($servername, $username, $password, $database);  // Kiểm tra kết nối  if ($conn->connect\_error) {      die("Kết nối thất bại: " . $conn->connect\_error);  }  echo "Kết nối thành công";  ?> |

1. Tìm hiểu về laravel
   1. Sơ lược về mô hình truyền thống.

A white board with writing on it

Description automatically generated

* 1. Dự án laravel
     1. Bước 1 : Thiết lập dự án Laravel ( phiên bản 10)
        1. Cài đặt PHP và composer (trình quản lý gói)

Cài php bằng xampp

A black background with white text

Description automatically generated

Cài composer : https://getcomposer.org/download/

A screenshot of a computer

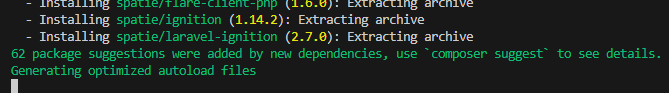
Description automatically generated

* + - 1. Tạo dự án

Cmd: `PS C:\Users\dimage\Desktop\Training> composer create-project laravel/laravel:^10.0 example-app`

Nếu có lỗi ở dưới thì cài zip ở trong file php.ini, cài 7z ở : [https://www.7-zip.org/](https://www.7-zip.org/)

Done :



* + - 1. Khởi chạy ứng dụng
         1. Sử dụng xampp
         2. Dòng lệnh của php: php -S localhost:[port]

Vd: php -S localhost:8080

* + - * 1. Laravel cung cấp : php artisan serve
      1. Tổng quan về cấu trúc
         1. Nắm chắc về oop và mô hình MVC (View nằm trong resource
         2. Thư mục

|  |
| --- |
|  **app/**: Chứa mã nguồn của ứng dụng.   * **Console/**: Chứa các lệnh Artisan tùy chỉnh. * **Exceptions/**: Chứa các lớp xử lý ngoại lệ. * **Http/**: Chứa các lớp điều khiển (Controllers), middleware và yêu cầu (Requests).   + **Controllers/**: Chứa các lớp điều khiển ứng dụng.   + **Middleware/**: Chứa các lớp middleware (lọc requests).   + **Requests/**: Chứa các lớp xác thực yêu cầu. * **Models/**: Chứa các mô hình (Model) của ứng dụng. * **Providers/**: Chứa các lớp cung cấp dịch vụ của ứng dụng. Trung tâm khởi tạo ứng dụng    **bootstrap/**: Chứa tệp tin bootstrap của ứng dụng và thư mục cache cho các tệp bộ nhớ đệm., là file khởi động khi có request.   * **cache/**: Chứa các tệp bộ nhớ đệm.    **config/**: Chứa tất cả các tệp cấu hình của ứng dụng.   **database/**: Chứa các migration, factory và seeder.   * **factories/**: Chứa các tệp factory để tạo các mô hình mẫu. * **migrations/**: Chứa các tệp migration để quản lý cơ sở dữ liệu. Cấu trúc, sao lưu lịch sử * **seeders/**: Chứa các tệp seed để điền dữ liệu mẫu vào cơ sở dữ liệu.    **public/**: Chứa các tệp tin công khai như tệp tin index.php, tài nguyên như hình ảnh, CSS, và JavaScript.   * **index.php**: Điểm vào chính của ứng dụng web.    **resources/**: Chứa tài nguyên của ứng dụng như view, ngôn ngữ và tài nguyên chưa biên dịch.   * **views/**: Chứa các tệp view Blade. * **lang/**: Chứa các tệp ngôn ngữ. * **js/**: Chứa các tệp JavaScript chưa biên dịch. * **sass/**: Chứa các tệp SASS chưa biên dịch.    **routes/**: Chứa các tệp định tuyến của ứng dụng.   * **web.php**: Chứa các tuyến đường cho web. * **api.php**: Chứa các tuyến đường cho API. * **console.php**: Chứa các lệnh Artisan tùy chỉnh. * **channels.php**: Chứa các kênh sự kiện Broadcast.    **storage/**: Chứa các tệp bộ nhớ đệm, tệp tin session, tệp tin và bản ghi.   * **app/**: Chứa các tệp được tạo bởi ứng dụng. * **framework/**: Chứa các tệp framework. * **logs/**: Chứa các tệp log.    **tests/**: Chứa các tệp kiểm thử của ứng dụng.   * **Feature/**: Chứa các kiểm thử chức năng. * **Unit/**: Chứa các kiểm thử đơn vị.    **vendor/**: Chứa các thư viện bên thứ ba (các gói Composer).   **.env**: Tệp tin cấu hình môi trường.   **.env.example**: Tệp tin mẫu cấu hình môi trường.   **artisan**: Tệp tin dòng lệnh Artisan.   **composer.json**: Tệp tin cấu hình các phụ thuộc của Composer.   **package.json**: Tệp tin cấu hình các phụ thuộc của Node.js.   **webpack.mix.js**: Tệp tin cấu hình Webpack Mix.   **README.md**: Tệp tin hướng dẫn và thông tin về dự án. |

* + - * 1. Vòng đời

A diagram of a lifecycle

Description automatically generated